

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
đã được kiểm toán**

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-24
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch của Công ty là: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia. Tên viết tắt là: NSI.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010315003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2006 và Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK - GP ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009; Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại 106 Phố Huế, Phường Ngô Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Phòng giao dịch của Công ty tại 18 Đoàn Trần Nghiệp, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng). Tương đương 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có đơn vị thành viên sau

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	57 Lê Thị Hồ Gấm, Quận 1, HCM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/12/2009
2. Ông Nguyễn Chí Thành	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 21/12/2009
3. Ông Trịnh Thanh Phong	Ủy viên	
4. Ông Nguyễn Hoàn Thành	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

1. Ông Lê Ngọc Khiêm	Quyền Tổng Giám đốc	
2. Ông Nguyễn Chí Dũng	Phó Tổng giám đốc	
3. Ông Nguyễn Hoàn Thành	Phó Tổng giám đốc	
4. Ông Đào Bắc Sơn	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm tháng 2/2009
5. Ông Khương Việt Thắng	Phó Tổng giám đốc	Miễn nhiệm tháng 2/2009
6. Bà Đinh Nguyệt Hà	Giám đốc Chi nhánh	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

- | | | |
|------------------------|------------|-------------------------|
| 1. Bà Tống Quỳnh Mai | Trưởng ban | Miễn nhiệm tháng 2/2009 |
| 2. Bà Phạm Hồng Thương | Trưởng ban | Bổ nhiệm tháng 2/2009 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

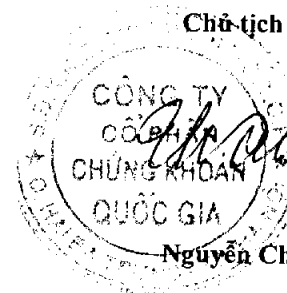
Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Chí Thành

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		53.232.041.181	33.181.479.429
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		39.016.861.021	20.058.667.878
111	1 Tiền	4	39.016.861.021	20.058.667.878
112	2 Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	11.141.189.900	12.115.854.212
121	1 Đầu tư ngắn hạn		32.547.334.742	35.896.710.442
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(21.406.144.842)	(23.780.856.230)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn	6	3.022.249.260	736.793.260
131	1 Phải thu của khách hàng		2.329.656.000	-
132	2 Trả trước cho người bán		692.593.260	692.593.260
138	5 Các khoản phải thu khác		-	44.200.000
140	IV Hàng tồn kho		-	-
150	V Tài sản ngắn hạn khác		51.741.000	270.164.079
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
154	4 Tài sản ngắn hạn khác		51.741.000	270.164.079
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		4.201.154.055	7.194.574.558
220	II Tài sản cố định	7	2.548.672.723	4.042.719.062
221	1 Tài sản cố định hữu hình		2.443.073.256	3.823.195.841
222	- Nguyên giá		5.796.610.420	5.755.054.099
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.353.537.164)	(1.931.858.258)
227	3 Tài sản cố định vô hình		105.599.467	219.523.221
228	- Nguyên giá		341.771.280	341.771.280
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(236.171.813)	(122.248.059)
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V Tài sản dài hạn khác		1.652.481.332	3.151.855.496
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	8	1.004.049.556	2.831.926.489
263	3 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	9	505.595.576	319.929.007
268	4 Tài sản dài hạn khác		142.836.200	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		57.433.195.236	40.376.053.987

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A NỢ PHẢI TRẢ		36.142.345.824	20.031.721.684
310	I Nợ ngắn hạn		36.137.638.089	20.007.375.649
311	1 Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2 Phải trả người bán		61.432.080	61.432.080
313	3 Người mua trả tiền trước		95.000.000	107.360.000
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	8.725.185	9.216.002
320	8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11	35.643.806.536	18.471.102.287
321	9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	7.070.344
328	11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	328.674.288	1.351.194.936
330	II Nợ dài hạn		4.707.735	24.346.035
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		4.707.735	24.346.035
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		21.290.849.412	20.344.332.303
410	I Vốn chủ sở hữu	13	21.044.372.235	19.941.492.326
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		219.857.812	219.857.812
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		536.841.659	549.644.533
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(29.712.327.236)	(30.828.010.019)
430	II Quỹ khen thưởng, phúc lợi		246.477.177	402.839.977
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		57.433.195.236	40.376.053.987

0203
CÔNG
CH NHIỆM
HỊCH VỤ
CHÍNH
VÀ KIẾ
DAN KI

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
005	5 Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
006	6 Chứng khoán lưu ký		84.468.000.000	33.252.610.000
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		84.468.000.000	33.252.610.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		84.468.000.000	33.252.610.000
050	7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
082	8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	-
083	9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
084	10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		-	-

Người lập

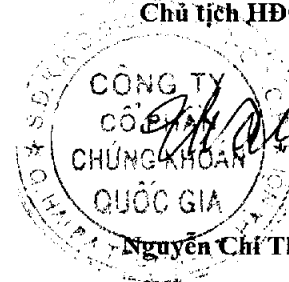
Lê Thị Hà

Kế toán trưởng

Đinh Thị Chuyên

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2010

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Chí Thành



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu	14	11.575.794.232	7.517.834.234
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		8.993.216.820	4.640.622.704
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		737.672.700	601.393.112
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		121.448.454	768.228.398
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		26.326.800	-
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	52.311.342
01.9	Doanh thu khác		1.697.129.458	1.455.278.678
10	3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		11.575.794.232	7.517.834.234
11	4 Chi phí hoạt động kinh doanh	15	1.603.512.996	25.744.886.656
20	5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		9.972.281.236	(18.227.052.422)
25	6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	8.972.426.568	12.611.234.678
30	7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		999.854.668	(30.838.287.100)
31	8 Thu nhập khác		211.781.305	52.156.000
32	9 Chi phí khác		95.953.190	58.378.477
40	10 Lợi nhuận khác		115.828.115	(6.222.477)
50	11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.115.682.783	(30.844.509.577)
51	12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17	-	-
60	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.115.682.783	(30.844.509.577)
70	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	223	(6.169)

Người lập



Lê Thị Hà

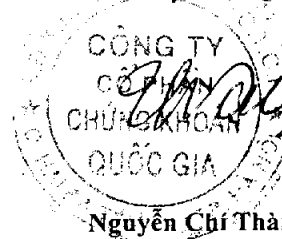
Kế toán trưởng



Đinh Thị Chuyên

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2010 0931353

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Chí Thành

CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
QUỐC GIA
KIỂM TOÁN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
	1 Lợi nhuận trước thuế		1.115.682.783	(30.844.509.577)
02	Khấu hao tài sản cố định		1.589.330.334	1.498.087.718
03	Các khoản dự phòng		(2.374.711.388)	23.780.856.230
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(644.870.374)	(1.218.123.293)
08	3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(314.568.645)	(6.783.688.922)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.369.650.426)	19.048.069.464
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		4.349.375.700	(15.616.634.362)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		16.110.624.140	(37.116.666.171)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		1.827.876.933	2.314.793.374
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			(610.135.535)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		90.836.200	
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(497.668.443)	(503.774.857)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		19.196.825.459	(39.268.037.009)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(188.086.321)	(845.612.406)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		211.781.305	-
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.000.000.000)	
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		737.672.700	1.218.123.293
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(238.632.316)	372.510.887
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		18.958.193.143	(38.895.526.122)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		20.058.667.878	58.954.194.000
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	39.016.861.021	20.058.667.878

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Lê Thị Hà

Đinh Thị Chuyên

Nguyễn Chí Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại 106 Phố Huế, Phường Ngô Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty có đơn vị thành viên sau

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	57 Lê Thị Hồ Gấm, Quận 1, HCM

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010315003 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2006 và Quyết định cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 27/UBCK - GP ngày 15/12/2006, Quyết định số 49/UBCK-GP ngày 05/03/2009; Quyết định số 196/UBCK-GCN ngày 05/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Thay đổi chế độ kế toán

Năm 2008, Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ Tài chính. Năm 2009, do thay đổi chế độ kế toán công ty chứng khoán, Công ty áp dụng chế độ kế toán nêu trên. Vì vậy, một số chỉ tiêu đầu kỳ được phân loại và trình bày lại (chi tiết tại thuyết minh số 21).

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 08 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 08 năm |



Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

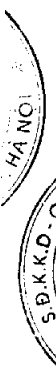
Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

3203
CÔNG
TACH NY
DICH
TAI F
D. H.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VNĐ)
a) Cửa Công ty Chứng khoán	46.500	1.483.030.000
- Cổ phiếu	46.500	1.483.030.000
- Chứng khoán khác	-	-
b) Cửa người đầu tư	119.526.790	3.788.633.181.000
- Cổ phiếu	115.460.820	3.735.566.262.000
- Chứng khoán khác	4.065.970	53.066.919.000
Tổng cộng	119.573.290	3.790.116.211.000

4 . TIỀN

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	96.490.743	868.431.473
Tiền gửi ngân hàng	437.045.596	190.180.170
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	34.173.622.531	16.793.314.772
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	175.780.845
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	4.309.702.151	2.030.960.618
Cộng	39.016.861.021	20.058.667.878

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Chứng khoán thương mại	31.547.334.742	35.896.710.442
- Chứng khoán niêm yết	31.547.334.742	31.065.684.442
- Chứng khoán chưa niêm yết	-	4.831.026.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(21.406.144.842)	(23.780.856.230)
Cộng	11.141.189.900	12.115.854.212

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cơ sở trích lập dự phòng là giá bình quân tại ngày 31/12/2009. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2009.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
1. Phải thu khách hàng	2.329.656.000	-
2. Trả trước cho người bán	692.593.260	692.593.260
3. Phải thu khác	-	44.200.000
Cộng	3.022.249.260	736.793.260

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VNĐ)
a) Cửa Công ty Chứng khoán	46.500	1.483.030.000
- Cổ phiếu	46.500	1.483.030.000
- Chứng khoán khác	-	-
b) Cửa người đầu tư	119.526.790	3.788.633.181.000
- Cổ phiếu	115.460.820	3.735.566.262.000
- Chứng khoán khác	4.065.970	53.066.919.000
Tổng cộng	119.573.290	3.790.116.211.000

4 . TIỀN

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	96.490.743	868.431.473
Tiền gửi ngân hàng	437.045.596	190.180.170
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	34.173.622.531	16.793.314.772
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	175.780.845
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	4.309.702.151	2.030.960.618
Cộng	39.016.861.021	20.058.667.878

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Chứng khoán thương mại	31.547.334.742	35.896.710.442
- Chứng khoán niêm yết	31.547.334.742	31.065.684.442
- Chứng khoán chưa niêm yết	-	4.831.026.000
Đầu tư ngắn hạn khác	1.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(21.406.144.842)	(23.780.856.230)
Cộng	11.141.189.900	12.115.854.212

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cơ sở trích lập dự phòng là giá bình quân tại ngày 31/12/2009. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2009.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
1. Phải thu khách hàng	2.329.656.000	-
2. Trả trước cho người bán	692.593.260	692.593.260
3. Phải thu khác	-	44.200.000
Cộng	3.022.249.260	736.793.260

TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	3.971.901.718	469.505.500	1.313.646.881	5.755.054.099	
2. Số tăng trong năm	206.921.673	-	-	206.921.673	
- Mua sắm mới	188.086.321	-	-	188.086.321	
- Tăng khác	18.835.352	-	-	18.835.352	
3. Số giảm trong năm	146.530.000	-	18.835.352	165.365.352	
- Thanh lý, nhượng bán	146.530.000	-	-	146.530.000	
- Giảm khác	-	-	18.835.352	18.835.352	
4. Số dư cuối năm	4.032.293.391	469.505.500	1.294.811.529	5.796.610.420	
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	1.292.224.324	136.939.110	502.694.824	1.931.858.258	
2. Số tăng trong năm	1.224.367.348	78.250.917	302.628.970	1.605.247.235	
- Trích khấu hao	1.094.526.693	78.250.917	302.628.970	1.475.406.580	
- Tăng khác	129.840.655	-	-	129.840.655	
3. Số giảm trong năm	53.727.674	-	129.840.655	183.568.329	
- Thanh lý, nhượng bán	53.727.674	-	-	53.727.674	
- Giảm khác	-	-	129.840.655	129.840.655	
4. Số dư cuối năm	2.462.863.998	215.190.027	675.483.139	3.353.537.164	
III. Giá trị còn lại					
1. Đầu năm	2.679.677.394	332.566.390	810.952.057	3.823.195.841	
2. Cuối năm	1.569.429.393	254.315.473	619.328.390	2.443.073.256	

b) Tăng giảm tài sản cố định vô hình
Chỉ tiêu

Chỉ tiêu	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	341.771.280	341.771.280
2. Số tăng trong năm		
3. Số giảm trong năm		
4. Số dư cuối năm	341.771.280	341.771.280
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	122.248.059	122.248.059
2. Số tăng trong năm	113.923.754	113.923.754
- Trích khấu hao	113.923.754	113.923.754
4. Số dư cuối năm	236.171.813	236.171.813
III. Giá trị còn lại		
1. Đầu năm	219.523.221	219.523.221
2. Cuối năm	105.599.467	105.599.467

c) Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2009	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
50.000.000.000	Nguyên giá	6.138.381.700	0,12
	Khấu hao	(3.589.708.977)	
	Giá trị còn lại	2.548.672.723	0,05
Cộng	x	x	x

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Chi phí thành lập doanh nghiệp		34.007.653
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	612.241.620
Chi phí sửa chữa, thuê văn phòng	888.375.386	2.147.207.488
Chi phí trả trước dài hạn khác	115.674.170	38.469.728
Cộng	1.004.049.556	2.831.926.489

9 . TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Tiền nộp ban đầu	319.929.007	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	185.666.569	199.929.007
Số cuối năm	505.595.576	319.929.007

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VNĐ	VNĐ
Thuế GTGT	4.038.418	363.636
Thuế TNCN	4.686.767	-
Các loại thuế khác	-	8.852.366
Cộng	8.725.185	9.216.002

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2009	01/01/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải trả tổ chức, cá nhân khác (phải trả cho nhà đầu tư về hoạt động giao dịch chứng khoán)	35.643.806.536	18.471.102.287
Cộng	35.643.806.536	18.471.102.287

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VNĐ	VNĐ
Kinh phí công đoàn	39.134.288	39.134.288
Thù lao Hội đồng quản trị		78.520.648
Phải trả tiền đặt cọc đấu giá		33.540.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	289.540.000	1.200.000.000
Cộng	328.674.288	1.351.194.936

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000		-	50.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	219.857.812	-	-	219.857.812
Quỹ dự phòng tài chính	549.644.533	-	12.802.874	536.841.659
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(30.828.010.019)	1.115.682.783	-	(29.712.327.236)
Tổng cộng	19.941.492.326	1.115.682.783	12.802.874	21.044.372.235

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm	-	
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000

c) Cổ phiếu

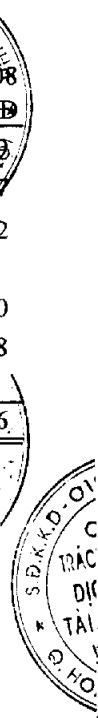
	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.575.794.232	7.517.834.234
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	8.993.216.820	4.640.622.704
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	737.672.700	601.393.112
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	121.448.454	768.228.398
- Doanh thu hoạt động tư vấn	26.326.800	-
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	52.311.342
- Doanh thu khác	1.697.129.458	1.455.278.678
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	11.575.794.232	7.517.834.234

15 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.354.096.437	704.743.679
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.308.434.826	170.708.397
Chi phí hoạt động tư vấn	67.558.273	166.772.202
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	40.636.982	-
Chi phí dự phòng	(2.374.711.388)	23.780.856.230
Chi phí khác	1.207.497.866	921.806.148
Cộng	1.603.512.996	25.744.886.656



16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	2.916.997.415	4.672.397.885
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	490.722.465	992.640.824
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.294.285.362	1.253.504.543
Thuế, phí và lệ phí	12.005.000	70.495.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.100.451.516	5.589.764.782
Chi phí khác bằng tiền	157.964.810	32.431.308
Cộng	8.972.426.568	12.611.234.678

17 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.115.682.783	(30.844.509.577)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	73.797.200	601.369.400
- Lỗ năm trước chuyển sang	(30.844.509.577)	
Tổng lợi nhuận tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

18 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VNĐ	Năm 2008 VNĐ
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.115.682.783	(30.844.509.577)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.115.682.783	(30.844.509.577)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	223	(6.169)

19 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CÔNG TY NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2009 VNĐ	01/01/2009 VNĐ
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	34.173.622.531	16.793.314.772
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	175.780.845
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	4.309.702.151	2.030.960.618
Cộng	38.483.324.682	19.000.056.235

203135
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VỤ TƯ VẤN
HÌNH KẾ T
KIỂM T

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

21 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại.

Chỉ tiêu	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Trình bày trên BCTC năm trước	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản cố định hữu hình	221	3.823.195.841	4.042.719.062	(219.523.221)
Nguyên giá	222	5.755.054.099	6.096.825.379	(341.771.280)
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(1.931.858.258)	(2.054.106.317)	122.248.059
Tài sản cố định vô hình	227	219.523.221	-	219.523.221
Nguyên giá	228	341.771.280	-	341.771.280
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(122.248.059)	-	(122.248.059)

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Để phục vụ cho công tác quản lý, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 được lập theo phương pháp gián tiếp, do đó Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2008 được lập lại theo phương pháp gián tiếp để phù hợp với số liệu so sánh năm nay.

Người lập

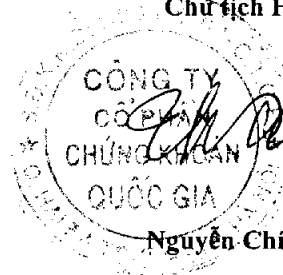
Lê Thị Hà

Kế toán trưởng

Đinh Thị Chuyên

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2010

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Chí Thành

